



UBND PHƯỜNG THANH KHÊ
TRƯỜNG MẦM NON HẢI ĐƯỜNG

BẢNG KÊ CHI TIẾT THỰC ĐƠN TIỀN CHỢ

Ngày 05 tháng 10 năm 2026

1/ THỰC ĐƠN : MẪU GIÁO - NHÀ TRẺ

- + **Bữa sáng:** Soup bột bán tôm thịt nạc
- + **Bữa trưa:**
 - Món mặn: Trứng hấp tàu hủ
 - Món canh: Thịt bò rau dền
 - Món xào: Bắp mỹ xào bơ
 - Phụ trợ: Sữa chua yakult
- + **Bữa chiều:**
 - Ăn xế: Bánh canh cá thu

2/ TÍNH TIỀN ĂN TRONG NGÀY

Định mức chi tiền ăn trong ngày		Số suất ăn trong ngày		Thực chi	Chênh lệch cuối ngày (thừa/ thiếu)
		Nhà trẻ	Mẫu giáo	Thực phẩm	
- Ăn sáng: (10.000đ/ cháu/ ngày)	4,040,000	108	296	3,611,300	428,700
- Ăn chính, ăn xế: (26.000đ/ cháu/ ngày)	10,504,000	108	296	10,932,700	(428,700)
Tổng tiền chợ:	14,544,000			14,544,000	-
Tổng số học sinh đi học:	404				
XUẤT KHO : Sữa bột DD Ellac Family	15.59				
+ Sữa sáng: (5.000đ/ cháu/buổi)	7.09				
+ Sữa chiều: (6.000đ/cháu/buổi)	8.51				

3/ Chi tiết thực đơn tiền ăn trong ngày:

SỐ TT	TÊN THỰC PHẨM	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đ)	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
I	Ăn sáng				3,611,300	
1	Bắp hạt tươi	kg	6.00	65,000	390,000	
2	Bột báng (10 kg/bao)	kg	1.00	37,000	37,000	
3	Bột năng Vĩnh Thuận 400gr (5 gói/xách, 20 gói/bao)	Gói	4.00	19,000	76,000	
4	Dầu Neptune 1L (12 chai/thùng)	Chai	0.50	82,000	41,000	
5	Đường phèn	kg	0.60	38,000	22,800	
6	Hành tỏi	kg	0.50	60,000	30,000	
7	Hạt nêm Knorr 400g (16 gói/thùng)	Gói	0.50	43,000	21,500	
8	Muối iốt 500g (0.5kg/gói; 100 gói/bao)	Gói	1.00	4,000	4,000	
9	Mắm Nam Ngư Độ Nhị 800ml (18 chai/thùng)	Chai	1.00	23,000	23,000	
10	Thịt nạc vai	kg	5.50	140,000	770,000	
11	Tôm loại 1	kg	9.00	230,000	2,070,000	
12	Trứng gà (quả)	Quả	35.00	3,600	126,000	
II	Ăn chính + phụ				10,932,700	
1	Bắp hạt ĐL 1kg	kg	5.00	92,000	460,000	
2	Bơ Tường An 200gr (60 hộp/thùng)	Hộp	2.00	20,000	40,000	
3	Bột gạo sợi cắt 1 phần	kg	12.00	28,000	336,000	

4	Cà rốt Hà Nội sơ chế	kg	1.50	32,000	48,000	
5	Cá thu trắng không đầu y	kg	9.40	270,000	2,538,000	
6	Dầu Neptune 1L (12 chai/thùng)	Chai	4.50	82,000	369,000	
7	Dầu hào Maggi 350gr (24 chai/thùng, 12chai/thùngk)	Chai	2.00	32,000	64,000	
8	Dầu Olive 250ml	chai	1.00	145,000	145,000	
9	Đường phèn	kg	0.50	38,000	19,000	
10	Đường vàng An Khê (1kg/gói; 20 gói/bao)	Gói	1.00	39,000	39,000	
11	Gạo bồ câu (cò may)	kg	21.00	21,000	441,000	
12	Hành lá	kg	0.50	50,000	25,000	
13	Hành tỏi	kg	0.30	60,000	18,000	
14	Hạt nêm Knorr 400g (16 gói/thùng)	Gói	1.50	43,000	64,500	
15	Muối sống (hạt) (50kg/bao)	kg	1.00	6,000	6,000	
16	Muối iốt 500g (0.5kg/gói; 100 gói/bao)	Gói	1.00	4,000	4,000	
17	Mắm Nam Ngư Độ Nhị 800ml (18 chai/thùng)	Chai	1.00	23,000	23,000	
18	Rau dền đỏ	kg	9.00	36,000	324,000	
19	Sữa chua uống lên men yakult (50 chai/thùng)	Chai	406.00	5,200	2,111,200	
20	Tàu hũ non (hộp)	Hộp	27.00	17,000	459,000	
21	Thịt bò đùi	kg	3.20	270,000	864,000	
22	Thịt vai cò da	kg	7.80	130,000	1,014,000	
23	Tiêu xay rồng tây nguyên (tiêu thường)(500gr/gói)	kg	0.05	180,000	9,000	
24	Trứng gà (quả)	Quả	370.00	3,600	1,332,000	
25	Xì dầu Maggi 300ml (24 chai/thùng)	Chai	10.00	18,000	180,000	
TỔNG CỘNG					14,544,000	

Bảng chữ: Mười bốn triệu năm trăm bốn mươi bốn ngàn đồng./.